**PHỤ LỤC III**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BNNPTNT ngày / /2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số số 28 /2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Phương án quản lý rừng bền vững |
| Mẫu số 02 | Đơn đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững |

**Mẫu số 01**

**PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**  
*(áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững)*

**MỞ ĐẦU**

**Phần thứ nhất**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Các văn bản liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp của chủ rừng.

**II. TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

Nêu các tài liệu, số liệu, thông tin, bản đồ sử dụng cho việc lập kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững.

**Phần thứ hai**

**ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA CHỦ RỪNG**

**I. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỦ RỪNG**

**1. Loại hình chủ rừng:**

Hộ gia đình/cá nhân/cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết hình thành nhóm hộ.

**2. Cơ cấu tổ chức**

Mô tả mô hình tổ chức nhóm hộ/cộng đồng và nhiệm vụ của các thành phần trong nhóm, gồm:

- Nhóm hộ/cộng đồng: Mô tả các thành phần và hình thức liên kết các thành viên nhóm gồm: các chủ rừng, cơ sở khai thác vận chuyển gỗ, cơ sở chế biến gỗ, vườn ươm…(nếu có) để thực hiện quản lý rừng bền vững, vai trò và nhiệm vụ của từng thành phần trong nhóm.

- Trưởng nhóm/cộng đồng: Vai trò và nhiệm vụ của trưởng nhóm/cộng đồng.

- Ban quản lý nhóm/cộng đồng: Mô tả Ban quản lý nhóm/cộng đồng, gồm: thành phần, vai trò và nhiệm vụ của từng thành phần tham gia trong Ban quản lý nhóm/cộng đồng (theo quy mô và nhu cầu, nhóm có thể mời đại diện chính quyền, các ban, ngành của huyện, xã nơi các chủ rừng liên kết hình thành nhóm/cộng đồng và các thành viên khác là cơ sở chế biến có nhu cầu liên kết với nhóm/cộng đồng để thực hiện quản lý rừng bền vững, hướng đến cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững).

**3. Quy mô, diện tích rừng, đất lâm nghiệp của các thành viên tham gia nhóm**

- Số lượng thành viên tham gia;

- Diện tích của từng thành viên nhóm/cộng đồng, gồm: diện tích loại rừng, dự kiến diện tích rừng trồng sẽ tham gia cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, diện tích loại trừ (diện tích rừng tự nhiên, diện tích các khu vực có ý nghĩa văn hóa, lịch sử, giải trí, tín ngưỡng, hành lang ven sông, suối và khu vực có các loài động thực vật trong danh mục cần được bảo vệ); tổng hợp từ Biểu 09 vào Biểu 01.

**Biểu 01: Tổng hợp diện tích rừng của các nhóm hộ/cộng đồng phân theo xã, huyện....tỉnh...**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên xã** | **Tổng diện tích (ha)** | **Diện tích loại trừ (ha)** | **Dự kiến diện tích cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (ha)** |
| (1) | (2=3+4) | (3) | (4) |
| Nhóm hộ/cộng đồng: xã A |  |  |  |
| ......... |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |

**II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG**

**1. Diện tích và trữ lượng rừng**

Nêu hiện trạng rừng của các thành viên tự nguyện tham gia nhóm/cộng đồng:

- Tổng diện tích rừng: .... ha, trong đó:

+ Rừng đặc dụng….ha (rừng tự nhiên….ha, rừng trồng….ha);

+ Rừng phòng hộ …ha (rừng tự nhiên…ha, rừng trồng…ha);

+ Rừng sản xuất…ha (rừng tự nhiên…ha, rừng trồng…ha);

- Trữ lượng rừng trồng phân theo loài cây và cấp tuổi: …. m3, trong đó:

+ Keo lai: … m3/tuổi…:

+ Keo tai tượng: … m3/tuổi…:

+ Bạch đàn: … m3/tuổi…:

…………………………………..

**2. Tài nguyên đa dạng sinh học** *(không áp dụng đối với diện tích rừng trồng sản xuất của chủ rừng hoặc nhóm hộ)*

Tổng hợp, đánh giá danh mục các loài động, thực vật rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng hoặc nhóm hộ theo Biểu 02 và Biểu 03:

**Biểu 02: Danh mục các loài thực vật rừng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Loài** | **Địa điểm** | **Số lượng, mật độ cây** |
| 1 | Lim xanh (kể cả tên địa phương nếu có) | khoảnh…., tiểu khu…., xã……., huyện……. | Ví dụ: ít, trung bình, nhiều |
| ... | ..... | ...... | ..... |
| ... | ..... | ...... | ..... |
| ... | ..... | ...... | ..... |

**Biểu 03: Danh mục các loài động vật rừng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Loài** | **Địa Điểm** | **Ghi Chú** |
| 1 | Sóc (kể cả tên địa phương nếu có) | Tiểu khu ...., xã ...., huyện ..... | Ví dụ: ít, trung bình, nhiều |
| ... | ..... | ...... | ..... |
| ... | ..... | ...... | ..... |
| ... | ..... | ...... | ..... |

**Phần thứ ba**

**MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

**I. MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

**1. Mục tiêu chung:** Thiết lập được khu rừng của chủ rừng hoặc nhóm hộ để thực hiện quản lý rừng bền vững nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế hộ gia đình, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Về kinh tế: thu nhập…….triệu đồng/ha/năm;

b) Về xã hội: tạo việc làm cho bao người lao động, gắn với xóa đói, giảm nghèo;

c) Về môi trường: bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có….ha, trồng mới các loại rừng….ha.

**3. Thời gian thực hiện kế hoạch quản lý:** Từ năm ….đến năm…..

**II. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

**1. Kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh hại rừng**

Nêu diện tích, loại rừng hiện có của chủ rừng hoặc nhóm hộ cần được bảo vệ; biện pháp kỹ thuật cho các hoạt động phòng trừ sâu bệnh, phòng cháy và chữa cháy rừng.

**2. Kế hoạch phát triển rừng tự nhiên (nếu có)**

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có hoặc không có trồng bổ sung: ….ha

- Làm giàu rừng:…..ha

- Nuôi dưỡng rừng:…..ha

**3. Kế hoạch sản xuất cây giống (nếu có)**

Xác định địa điểm, diện tích vườn ươm cây giống; dự kiến loài cây, số lượng cây sản xuất trung bình/năm.

**4. Kế hoạch trồng rừng**

Nêu các biện pháp kỹ thuật trồng rừng bảo đảm quản lý rừng bền vững từ khâu xử lý thực bì, làm đất, trồng rừng…vv và tổng hợp Kế hoạch trồng rừng vào Biểu 04:

**Biểu 04: Kế hoạch trồng rừng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loài cây** | **Năm trồng** | **Mật độ trồng (cây/ha)** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| **I. RỪNG ĐẶC DỤNG (nếu có):** | | | | …… |  |
| 1 | Kim giao +… | 2024 | 1650 | 100 | Xã, tiểu khu, khoảnh, lô |
| 2 | .... | …... | …. | …. | …… |
| **II. RỪNG PHÒNG HỘ (nếu có):** | | | | …… |  |
| 1 | Lát hoa +… |  |  |  |  |
| 2 | ……… |  |  | …… |  |
| **III. RỪNG SẢN XUẤT** | | | | | |
| 1 | Keo lai .. |  |  |  |  |
| 2 | …. |  |  |  |  |
| **Tổng (I+II+III):** | |  |  | ...... |  |

**5. Kế hoạch chăm sóc rừng trồng**

Nêu các biện pháp kỹ thuật chăm sóc rừng: làm cỏ, vun xới gốc, phát luỗng dây leo, bón phân …vv và tổng hợp Kế hoạch chăm sóc rừng vào Biểu 05:

**Biểu 05: Kế hoạch chăm sóc rừng trồng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động chăm sóc rừng** | **Diện tích chăm sóc (ha)** | | | | | |
| Năm.. | Năm.. | Năm.. | Năm.. | Năm.. | Năm.. |
| **1. Rừng đặc dụng:** | … | … | … | … | … | … |
| - Năm 1/Kim giao+… |  |  |  |  |  |  |
| .......... |  |  |  |  |  |  |
| **2. Rừng phòng hộ:** | … | … | … | … | … | … |
| - Năm 1/Lát hoa+… |  |  |  |  |  |  |
| ………… |  |  |  |  |  |  |
| **3. Rừng sản xuất:** | | | | | | |
| - Năm 1/Keo lai +.. |  |  |  |  |  |  |
| ……. |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng (1+2+3):** |  |  |  |  |  |  |

**6. Kế hoạch phát triển cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu**

Xác định địa điểm, diện tích, loài cây trồng; kế hoạch trồng, chăm sóc cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu.

**7. Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng và lâm sản ngoài gỗ**

Xác định địa điểm, diện tích, sản lượng, loài cây khai thác, các biện pháp kỹ thuật khai thác tác động thấp bảo đảm quản lý rừng bền vững và tổng hợp vào Biểu 06:

**Biểu 06: Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng và lâm sản ngoài gỗ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm khai thác** | **Diện tích (ha)** | **Sản lượng khai thác (m3;tấn;cây)** | **Địa điểm khai thác** | **Loài cây/năm trồng rừng** |
| **I. KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG** | | | | |
| 2024 | 100 | 1.500 | Xã..tiểu khu ... | Keo tai tượng/2016 |
| ...... | ..... | ..... | ....... | ...... |
| **Tổng:** |  |  |  |  |
| **II. KHAI THÁC LÂM SẢN NGOÀI GỖ** | | | | |
| 2024 | 100 | 200 (tấn) |  | Song, mây |
| ….. |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |

**8. Kế hoạch hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí** *(chỉ áp dụng đối với chủ rừng hoặc nhóm hộ có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí)*

a) Hiện trạng, tiềm năng du lịch và các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

b) Xác định các khu vưc, địa điểm, diện tích, loại hình tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

- Địa điểm: nêu tên các địa điểm tổ chức du lịch sinh thái.

- Xác định loại hình tổ chức thực hiện, gồm: tự tổ chức; liên kết hợp tác với các tổ chức, cá nhân và cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

- Tổng hợp các loại hình, diện tích các địa điểm, khu vực tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí vào Biểu số 07 và được thể hiện trên bản đồ quy hoạch quản lý rừng bền vững:

**Biểu 07: Tổng hợp diện tích các khu vực tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình tổ chức** | **Địa điểm/khu vực** | **Diện tích, loại rừng (ha)** | | | | **Ghi chú** |
| **Tổng** | **Đặc dụng** | **Phòng hộ** | **Sản xuất** |
| 1. Tự tổ chức | Lô, khoảnh, tiểu khu (tên địa danh nếu có ) | 15 | - | - | 15 | Rừng trồng |
| 2. Liên kết hợp tác | …. | ….. | … | .. | … | …. |
| 3. Cho thuê môi trường rừng | …. | ….. | … | .. | … | …. |
| **Tổng cộng (1+2+3)** | | **15** | **…** | **..** | **15** |  |

c) Khu vực xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Địa điểm: nêu tên các địa điểm, thuyết minh đặc điểm kỹ thuật, kết cấu dự kiến các công trình phục vụ tổ chức du sinh sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Tổng hợp diện tích các công trình phục vụ tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí vào Biểu 08:

**Biểu 08: Tổng hợp diện tích các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các**  **công trình** | **Địa điểm** | **Diện tích (m2)** | **Thuộc các loại rừng (m2)** | | | **Loại hình tổ chức** | **Ghi chú** |
| **Đặc dụng** | **Phòng hộ** | **Sản xuất** |
| 1. Nhà nghỉ, lán trại, nhà vệ sinh… (homestay…vv) | Lô, khoảnh, tiểu khu (tên địa danh nếu có ) | 300 | - | - | 300 | Tự tổ chức | Rừng trồng |
| 2. Căng tin | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. |
| 3. Trạm nghỉ dừng chân | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. |
| 3. Đường đi nội bộ | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. |
| …….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. |
| **Tổng (1+2+..)** | **…..** | **300** | **-** | **-** | **300** |  |  |

**9. Kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên nhóm**

- Bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, sâu bệnh hại rừng; bảo tồn đa dạng sinh học;

- Quy trình kỹ thuật sản xuất cây con; Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác rừng tác động thấp;

- Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

- An toàn lao động và bảo hộ lao động;

- Sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật an toàn;

- Thu gom, xử lý các loại chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường;

……………………………

**10. Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện kế hoạch**

**Phần thứ tư**

**TỔ CHỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Đại diện nhóm

2. Ban quản lý nhóm

3. Thành viên nhóm

**II. THEO DÕI ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT**

Nội dung theo dõi đánh giá, giám sát bao gồm:

- Giám sát, đánh giá định kỳ đối với thành viên nhóm.

- Giám sát nhà thầu.

- Giám sát, đánh giá kế hoạch thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN** (nêu các giải pháp thực hiện phươn án quản lý rừng bền vững)

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

**2. Khuyến nghị**

**Biểu số 09. Tổng hợp danh sách**

**Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, nhóm hộ tham gia phương án quản lý rừng bền vững huyện ............. tỉnh.............**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã** | **Thôn, ấp** | **Chủ rừng** | **Tiểu khu, khoảnh** | **Lô** | **Diện tích (ha)** | **R. Đặc dụng (ha)** | | **R. Phòng hộ (ha)** | | **R. Sản xuất (ha)** | |
| **R. Tự nhiên** | **Rừng Trồng** | **R. Tự nhiên** | **Rừng Trồng** | **R. Tự nhiên** | **Rừng Trồng** |
| **I. NHÓM HỘ/CỘNG ĐỒNG A** | | | | | | | | | | |  |  |
| 1 | Thượng Hiền | Trung Quý | Nguyễn Văn A |  |  | 21 | 1,5 | 2,0 | 1,5 | 11,0 | 3,0 | 2,0 |
|  |  |  |  | 09 | 02; 04 |  | 1,5 | 2,0 |  |  |  |  |
|  |  |  |  | 03 | 11; 20 |  |  |  | 1,5 | 11,0 |  |  |
|  |  |  |  | 02 | 08; 07 |  |  |  |  |  | 3,0 | 2,0 |
| ... | ....... | ...... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... |  |  |
| **Tổng:** | | ...... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... |  |  |
| **II. NHÓM HỘ /CỘNG ĐỒNG B** | | | | | | | | | | |  |  |
| 1 | ....... | ...... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... |  |  |
| ... | ....... | ...... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... |  |  |
| **Tổng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng (I+II)** | | ..... | ..... | ........ | .... | ..... | .... | ..... | ..... | ....... |  |  |

**Mẫu số 02**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *(tên xã)…., ngày ….. tháng ……. năm 202…* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững**

*(chỉ áp dụng đối với chủ rừng hoặc nhóm hộ có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện)………*

Căn cứ Thông tư số /202../TT-BNNPTNT ngày / /202.. ngày / /202.. của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/20182018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện*)…xem xét, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững như sau:

1. Tên chủ rừng hoặc tên người đại diện nhóm hộ:

2. Địa chỉ:

3. Quy mô, hiện trạng diện tích rừng, đất lâm nghiệp của chủ rừng hoặc các thành viên tham gia nhóm (nêu tóm tắt nội dung).

4. Mục tiêu Phương án: (nêu tóm tắt các mục tiêu).

5. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, sản xuất, kinh doanh, các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; dự kiến kinh phí, nguồn vốn đầu tư; hiệu quả của phương án (nêu tóm tắt nội dung).

6. Giải pháp tổ chức thực hiện Phương án (nêu tóm tắt nội dung).

*(có phương án quản lý rừng bền vững và bản đồ kèm theo)*

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện *(tên huyện)……* xem xét, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: CR hoặc Nhóm hộ. | **Chủ rừng hoặc đại diện nhóm hộ** *(ký, ghi rõ họ và tên)* |